SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHU VĂN AN – GIA NGHĨA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37 /QĐ-THPTCVA-GN

Bắc Gia Nghĩa, ngày 10 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công khai danh sách học sinh được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ năm học 2026 - 2027

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN- GIA NGHĨA

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính hướng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ vào quyết định 5297/QĐ-UBND ngày 5/11/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng Về việc Phê duyệt danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú và học sinh dân tộc nội trú (bổ sung học kỳ II năm học 2025 - 2026 và năm học 2026 – 2027) thuộc đối tượng được hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ- CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ tại các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai danh sách học sinh được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ năm học 2026 - 2027 của Trường THPT Chu Văn An- Gia Nghĩa (*chi tiết phụ biểu kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận có liên quan thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận :
- GVCN, học sinh, phụ huynh (để p/h);
- Website trường;
- Lưu VT- KT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHU VĂN AN - GIA NGHĨA

Đỗ Thị Việt Hà

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 66/2025/ NĐ-CP NĂM HỌC 2025-2026

(Đính kèm Quyết định số 37/QĐ- THPTCVA - GN ngày 10/ 11/2026 của Trường THPT Chu Văn-Gia Nghĩa)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/ tháng	Gạo được hỗ trợ/ tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/ năm
1	Vi Hoàng Hải Yến	02/11/2011	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
2	Dương Quỳnh Như	16/5/2011	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
3	Hoàng Hồng Phúc	19/10/2011	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
4	H- Thuyn	13/01/2011	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
5	Phạm Thị Khánh Quỳnh	14/9/2011	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
6	Hoàng Gia Bảo	12/02/2011	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
7	Đặng H' Thủy Tiên	22/8/2011	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
8	Vương Huyền Trâm	13/10/2011	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
9	Trần Quốc Việt	04/12/2010	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
10	H - Ly Ana Jeluih	23/01/2011	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
11	Hoàng Thị Kim Dung	22/10/2011	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
12	Vương Thị Ngọc Hoa	29/9/2010	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
13	Vàng Thị Xuân	06/01/2010	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
14	Vương Thị Hồng Ánh	21/7/2010	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
15	Hà Mạnh Lãm	26/6/2010	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
16	Phan Vũ Quang Vinh	02/11/2010	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
17	Trần Bích Nhi	05/02/2010	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
18	H-Rôsa Trang	12/10/2010	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135

19	Vi Tuấn Anh	06/01/2010	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
20	Đàm Vĩnh Hưng	18/5/2009	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
21	Bùi Trần Gia Như	17/01/2009	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
22	Đàm Mạnh Dũng	23/4/2009	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
23	Lê Êban Phú Thiện	21/01/2009	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
24	Bế Phạm Đức Trí	18/01/2009	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
25	Âu Thị Thùy Như	29/11/2009	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
26	Lộc Thị Thanh Thảo	22/3/2009	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
27	Đàm Triệu My	09/12/2009	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
28	Đàm Mỹ Chi	08/10/2009	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
29	Hà Lê Bảo Thy	29/8/2009	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
30	Nguyễn Ngọc Mai Anh	02/3/2009	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
31	Lục Thế Vinh	13/02/2009	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
32	Nông Kim Phóng	16/9/2009	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135
33	Lộc Thị Như Tuyết	17/3/2009	936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135

Danh sách gồm có 33 học sinh.